

Số: 168/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 09 tháng 01 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục  
Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quảng cáo  
của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp XIII ngày 08/01/2023 của Hội đồng.

## QUYẾT NGHỊ

1. Đoàn đánh giá ngoài thực hiện khảo sát chính thức từ ngày 21 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022 và đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 43 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 86%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).



3. Kiến nghị Học viện Báo chí và Tuyên truyền tham khảo 11 nhóm khuyến nghị của Hội đồng (chi tiết trong Phụ lục II) và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

4. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo quy định hiện hành.

5. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận Chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục./.





## Phụ lục I

**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHUỖ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH QUẢNG CÁO CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

(Kèm theo Nghị quyết số 168/NQ-HĐKĐCLV ngày 09/01/2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>					<b>Tiêu chuẩn 7</b>				
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				Tiêu chí 7.4	4				
Tiêu chí 2.1	3	3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	4				<b>Tiêu chuẩn 8</b>				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4,20	5	100
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				Tiêu chí 8.2	4				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
<b>Tiêu chuẩn 4</b>					<b>Tiêu chuẩn 9</b>				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 9.1	5	4,40	5	100
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 5</b>					Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80,00	Tiêu chí 9.5	5			
Tiêu chí 5.2	4				<b>Tiêu chuẩn 10</b>				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4	3,67	4	66,67
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.3	3						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>				Tiêu chí 10.4	4				
Tiêu chí 6.1	5	4,00	6	85,71	Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	3			
Tiêu chí 6.3	4				<b>Tiêu chuẩn 11</b>				
Tiêu chí 6.4	3				Tiêu chí 11.1	4	3,80	5	80,00
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	3			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	4			
		Tiêu chí 11.5	4						
<b>Mức trung bình</b>		<b>Số tiêu chí đạt</b>			<b>Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)</b>				
<b>3,94</b>		<b>43</b>			<b>86,00</b>				

DỤC VÀ  
RUNG T  
KIỂM Đ  
HẤT L  
GIÁO  
RƯỜNG Đ

*Handwritten signature*

## Phụ lục II



### **CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH QUẢNG CÁO CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 168/NQ-HĐKĐCLV ngày 09/01/2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)*

Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quảng cáo (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Học viện), giai đoạn 2017 - 2022, đã được Học viện tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh chính như sau:

Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện. Chuẩn đầu ra bao gồm các nội dung về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp, phù hợp với Khung trình độ Quốc gia. Bản mô tả và đề cương học phần đầy đủ nội dung và thông tin theo quy định, được định kỳ rà soát và phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Nội dung và cấu trúc chương trình dạy học được thiết kế hợp lý, phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT. Hoạt động dạy và học được thiết kế tương đối phù hợp, các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, góp phần thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu/kỹ năng mềm cho người học. Công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, đánh giá năng lực và việc thực thi nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên, nhân viên được quản lý. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và công bố công khai. Sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được giám sát chặt chẽ; người học được hỗ trợ, tư vấn trong suốt quá trình học; kết quả rèn luyện, học tập, khối lượng học tập của người học thường xuyên được giám sát. Môi trường giảng dạy, học tập và nghiên cứu đảm bảo an toàn, sạch đẹp; thư viện đầy đủ học liệu cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các quy định về quản lý quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Một số đề tài nghiên cứu khoa học được vận dụng trọng hoạt động giảng dạy. Cơ sở dữ liệu về tỉ lệ người học tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm, kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên và mức độ hài lòng của các bên liên quan được thu thập, phân tích phục vụ cho việc cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, để CTĐT tiếp tục được cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Học viện quan tâm các lĩnh vực theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

(i) Rà soát, hoàn chỉnh mục tiêu của CTĐT theo hướng bổ sung năng lực tự học và tự nghiên cứu, kỹ năng nghề nghiệp. Cập nhật, điều chỉnh các chuẩn đầu ra, diễn đạt chuẩn xác các mức năng lực và cụ thể hóa chuẩn đầu ra đảm bảo có thể đo lường, đánh

giá được.

(ii) Rà soát, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định. Phổ biến, hướng dẫn sử dụng hiệu quả hơn Bản mô tả CTĐT cho các bên liên quan, đặc biệt là giảng viên và người học. Rà soát và thống nhất cấu trúc đề cương chi tiết các học phần. Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai rộng rãi Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần tới các bên liên quan để dễ dàng nắm bắt và sử dụng.

(iii) Bổ sung sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các học phần trong chương trình dạy học. Xác định chuẩn đầu ra phù hợp, dễ đo lường, đánh giá. Rà soát, điều chỉnh phương pháp dạy học của một số học phần đảm bảo phù hợp với nội dung giảng dạy. Thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan với số lượng phù hợp, thiết kế câu hỏi khảo sát khoa học, bao phủ hết các vấn đề liên quan đến CTĐT, đề cương học phần, đảm bảo độ tin cậy của các kết quả khảo sát làm căn cứ điều chỉnh, phát triển CTĐT.

(iv) Đa dạng hơn hình thức phổ biến, giới thiệu Triết lí/Mục tiêu giáo dục tới các bên liên quan và hướng dẫn cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học chuyển tải nội hàm của Triết lí giáo dục vào các hoạt động cụ thể. Quan tâm hơn nữa đến hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên và đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, phát triển hình thức học trải nghiệm, giải quyết vấn đề, tăng cường các hoạt động rèn nghề và kĩ năng cho người học. Bổ sung vào đề cương học phần hoạt động giám sát, hỗ trợ giúp sinh viên tự học và phương pháp đánh giá kết quả tự học của sinh viên; nghiên cứu đánh giá tác động của các phương pháp dạy học đến hoạt động tự học của người học để cải tiến phương pháp dạy học và tự học cho người học.

(v) Rà soát việc thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của các học phần, chú trọng chuẩn đầu ra về kĩ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm; hướng dẫn phân tích, đánh giá phương pháp kiểm tra đánh giá và sử dụng kết quả phân tích, đánh giá để cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp đảm bảo đánh giá đúng năng lực của người học. Định kì phân tích kết quả học tập của sinh viên để có sự đối sánh đánh giá mức độ chính xác và độ tin cậy của đề thi và phương pháp kiểm tra đánh giá. Cử giảng viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục để có thể định lượng đánh giá các đề thi bằng các phần mềm chuyên dụng. Rà soát, điều chỉnh quy trình chấm phúc khảo bài thi đảm bảo rõ ràng và tường minh.

(vi) Ban hành văn bản riêng về việc lựa chọn đội ngũ để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và bối cảnh thực tế; rà soát quy định đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên bao gồm các tiêu chí về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Xây dựng các hướng nghiên cứu, thành

lập các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh nhằm đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước; tích cực tìm hiểu thị trường khoa học công nghệ trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu.

(vii) Tiếp tục rà soát vị trí việc làm, điều chuyển, bổ sung, phân bổ hợp lý đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng viên chức, quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đội ngũ cán bộ gắn với Đề án vị trí việc làm và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó quan tâm đến các chính sách thu hút đội ngũ nhân viên có năng lực cao về công tác tại Khoa. Tiến hành tổng kết tính hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên làm căn cứ cho cải tiến chất lượng; chú trọng hơn nữa các khóa tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

(viii) Cải tiến hoạt động thu thập ý kiến của các bên liên quan về xây dựng chính sách tuyển sinh để có thể thu hút được sinh viên chất lượng cao hơn. Định kì rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ cố vấn học tập, đồng thời cải tiến phần mềm quản lý đào tạo để có thể phân quyền nhiều hơn cho các cá nhân đơn vị liên quan, tiện lợi trong việc nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của người học; tăng cường hiệu quả công tác tư vấn việc làm để tăng tỉ lệ sinh viên làm việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo, tạo thêm không gian hoạt động cho các câu lạc bộ, sinh hoạt đội nhóm của sinh viên, không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa cố vấn học tập và người học.

(ix) Tăng cường số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại. Kết nối nguồn học liệu số với các trường đại học khác, thúc đẩy việc xuất bản tài liệu lưu hành nội bộ hiện có và cập nhật tài liệu học tập cho các học phần trong CTĐT. Tăng cường kĩ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị thực hành cho giảng viên; đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động dạy và học. Phát triển phần mềm quản lý thư viện phục vụ công tác thống kê, quản lý; đầu tư phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục.

(x) Xây dựng kế hoạch thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan riêng cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng với mẫu phiếu khảo sát đầy đủ thông tin phù hợp; phân tích, sử dụng hiệu quả dữ liệu phản hồi để cải tiến nâng cao chất lượng; mở rộng đối tượng khảo sát là nhà tuyển dụng khi góp ý về chương trình dạy học nhằm thu thập dữ liệu một cách toàn diện hơn, phục vụ tốt hơn cho việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Xây dựng, ban hành quy định, quy trình phân tích các phổ điểm sau mỗi đợt thi kết thúc học phần. Nghiên cứu cải

tiên, áp dụng các hình thức kiểm tra đánh giá tiên tiến đảm bảo đánh giá tốt hơn năng lực của người học.

(xi) Xây dựng, ban hành quy định chi tiết về công tác giám sát, thống kê, phân tích, đối sánh tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các khóa đào tạo và hoàn thiện phần mềm quản lí đào tạo để thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện. Xây dựng các giải pháp để tăng số sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và tăng cường chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên. Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động đối sánh trong việc cải tiến chất lượng và khảo sát chất lượng sinh viên tốt nghiệp.

\* \* \*

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Học viện cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục của Học viện.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Học viện cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục đối với CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh theo quy định./.

